

XÂY DỰNG LUẬT THUẾ TÀI NGUYÊN Ở VIỆT NAM

TS. PHẠM THỊ GIANG THU *

Thực hiện năm Chương trình cải cách hệ thống thuế đến 2010 và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2009, Bộ trưởng Bộ tài chính đã ra Quyết định số 1867/QĐ-BTC ngày 26/8/2008 thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập Dự án Luật thuế tài nguyên. Luật thuế này đang từng bước được xây dựng và dự kiến sẽ đệ trình Quốc hội thông qua vào năm 2009.

1. Về pháp luật thuế tài nguyên hiện hành

Thuế tài nguyên là khoản tiền thu vào hoạt động khai thác tài nguyên dưới mọi hình thức, được thực hiện dựa trên cơ sở pháp lí là Pháp lệnh thuế tài nguyên năm 1998, sửa đổi, bổ sung năm 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Về cơ bản, hệ thống các quy định hiện hành về thuế tài nguyên đã góp phần vào việc khai thác, sử dụng tài nguyên một cách tiết kiệm, hiệu quả, góp phần bảo vệ môi trường, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Mức thuế suất thuế tài nguyên được phân biệt theo nhóm, loại tài nguyên đã góp phần điều chỉnh, định hướng hành vi khai thác tài nguyên, nhất là tài nguyên quý hiếm, tài nguyên không tái tạo. Thông qua thuế tài nguyên, Nhà nước có thể theo dõi, giám sát hoạt động khai thác tài nguyên theo các quy định của pháp luật. Với mục tiêu tạo nguồn thu ngân sách, kết cấu nguồn thu của thuế tài nguyên đã đạt được những kết quả nhất định với số thu ổn định, chiếm khoảng

1% so với số thu nội địa và 0,5% so với tổng thu ngân sách nhà nước.

Bên cạnh về những kết quả trên, các quy định hiện hành về thuế tài nguyên cũng bộc lộ nhiều hạn chế, cần sớm được điều chỉnh cho phù hợp. Về đối tượng chịu thuế hiện hành, có nhiều quy định không tương thích về tài nguyên giữa Pháp lệnh thuế tài nguyên với Luật dầu khí sửa đổi năm 2008. Bên cạnh đó, một số tài nguyên thực tế đã và đang tồn tại nhưng chưa đưa vào diện chịu thuế hoặc được "gom" vào nhóm tài nguyên khác. Chẳng hạn Pháp lệnh thuế tài nguyên quy định về "dầu mỏ", "khí đốt", Luật dầu khí quy định "dầu thô", "khí thiên nhiên", "khí than"... Về căn cứ tính thuế, do có sự thay đổi trong Luật dầu khí sửa đổi năm 2008 dẫn chiếu các quy định của pháp luật thuế, trong khi đó Pháp lệnh thuế tài nguyên hiện nay lại chưa quy định vấn đề này. Đối với sản lượng tài nguyên tính thuế và giá tính thuế còn nhiều điểm bất ổn trong quá trình áp dụng đối với từng loại tài nguyên cụ thể... Bên cạnh những bất cập nêu trên, yêu cầu tạo nguồn thu ngân sách nhà nước cũng chưa đạt được. Thực tế chúng ta đã và đang cho phép khai thác tài nguyên trên diện rộng, đặc biệt là tài nguyên quý hiếm và tài nguyên không tái tạo như dầu thô, khí thiên

* Giảng viên chính Khoa pháp luật kinh tế Trường Đại học Luật Hà Nội

nhiên, than đá, quặng... nhưng nguồn thu từ loại thuế này mới chỉ dừng lại ở mức 1% tổng thu từ thuế là chưa tương xứng.

Với những lí do trên và yêu cầu cần phải "nâng tầm" các văn bản pháp luật thuế, Dự luật thuế tài nguyên sẽ được trình ra trước Quốc hội trong thời gian tới đây.

2. Những nội dung cơ bản của Dự luật thuế tài nguyên

Về phạm vi áp dụng, cũng giống như các Luật thuế khác, sau khi Luật quản lí thuế được ban hành, Luật thuế tài nguyên chỉ quy định những nội dung nhằm xác định người nộp thuế, loại tài nguyên phải chịu thuế và cách tính thuế, điều kiện miễn, giảm đối với loại thuế này.

Về đối tượng chịu thuế, Dự luật thuế vẫn áp đánh thuế ở 8 nhóm tài nguyên: khoáng sản kim loại, khoáng sản không kim loại, sản phẩm rừng tự nhiên, thủy sản tự nhiên, nước thiên nhiên, tài nguyên thiên nhiên khác, dầu thô, khí thiên nhiên và khí than. Tuy nhiên xung quanh vấn đề này vẫn còn có nhiều ý kiến đặt ra: Có những đối tượng khác hiện nay được xác định là tài nguyên, vậy có nên đánh thuế đối với các loại tài nguyên mới hoặc tài nguyên chưa đánh thuế hay không? Những tài nguyên chưa bị đánh thuế chẳng hạn như vùng quản lí bay, vùng biển; những loại tài nguyên mới như kho số, tần số chưa nằm trong diện chịu thuế của thuế tài nguyên.

Về người nộp thuế, Dự luật khẳng định lại và thống nhất quy định chủ thể nộp thuế tài nguyên là người khai thác. Dự luật cũng quy định rõ trường hợp khai thác tài nguyên trên cơ sở liên doanh, hợp tác kinh doanh, thuế tài nguyên của doanh nghiệp liên doanh

hay của bên nước ngoài xác định trong hợp đồng hợp tác kinh doanh và được tính vào phần sản phẩm chia cho bên Việt Nam, bên Việt Nam có trách nhiệm nộp thuế tài nguyên.

Về sản lượng tính thuế được xác định là sản lượng tài nguyên thực tế khai thác, không phân biệt mục đích khai thác. Tùy theo từng loại tài nguyên Dự luật quy định phương pháp tính sản lượng cụ thể. Khi quy định sản lượng tính thuế, Dự luật có tính đến loại tài nguyên khai thác xác định được số lượng, trọng lượng, khối lượng; tài nguyên không xác định được số lượng trong lượng, khối lượng do chứa nhiều chất khác nhau, tạp chất lớn; tài nguyên nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện...

Về giá tính thuế tài nguyên có nhiều điểm mới so với quy định hiện hành. Do Dự luật quy định cả đối với dầu mỏ, khí thiên nhiên, khí than nên cách xác định giá tính thuế trên nguyên tắc áp dụng thông lệ quốc tế và quy định trong Luật dầu khí cũng được thể hiện cụ thể trong Dự luật này. Đối với một số tài nguyên khác, giá tính thuế cũng được cân nhắc và quy định lại phù hợp với thực tế. Chẳng hạn, nếu như trước đây giá tính thuế đối với sản phẩm gỗ được xác định theo nhiều "bãi" khác nhau thì Dự luật xác định theo hướng giá xuất bán lần đầu tiên sau khai thác vì quy định này phù hợp với các luật liên quan. Những quy định trước đây được ghi nhận trong các văn bản hướng dẫn thi hành Pháp lệnh thuế tài nguyên cũng được xác định ngay trong Dự luật. Điều này cho thấy mục tiêu thể hiện tính công khai, minh bạch trong thuế tài nguyên đã khá rõ ràng.

Về thuế suất thuế tài nguyên cũng được

tính toán và cân nhắc. Với hai phương án cơ bản được đưa ra là phương án quy định thuế suất tuyệt đối và phương án quy định theo khung thuế. Dự luật thể hiện thuế suất thuế tài nguyên theo khung thuế, riêng đối với dầu thô, khí thiên nhiên, khí than quy định theo thuế suất tính trên cơ sở lũy tiến theo sản lượng tài nguyên khai thác. Thực tế quy định về thuế suất trong Dự Luật có tham khảo cơ sở quan trọng là khung thuế và thuế suất áp dụng cho các nhóm tài nguyên hiện nay. Bên cạnh đó, Dự luật cũng thể hiện thái độ của Nhà nước đối với hoạt động khai thác tài nguyên, trong đó có tính tới yếu tố phát triển bền vững, bảo vệ và hạn chế khai thác các loại tài nguyên quý hiếm, tài nguyên không có khả năng tái tạo. Với những loại tài nguyên này, xu hướng khung thuế được quy định tăng thêm, vừa đảm bảo mục tiêu nêu trên, vừa tạo nguồn thu thích hợp cho ngân sách nhà nước.

Về miễn thuế, giảm thuế, Dự luật quy định trên cơ sở kế thừa có chọn lọc quy định hiện hành. Như vậy, những trường hợp khai thác tài nguyên gặp thiên tai, trường hợp đánh bắt xa bờ, khai thác tài nguyên phục vụ nhu cầu sinh hoạt, khai thác tài nguyên phục vụ an ninh quốc phòng... đều nằm trong diện được giảm hoặc miễn thuế tài nguyên.

Về hiệu lực thi hành, do cần áp dụng đồng bộ giữa pháp luật thuế tài nguyên với Luật dầu khí, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật đầu tư, Dự luật này dự kiến áp dụng từ ngày 1/1/2010. Dự luật cũng quy định rõ đối với dự án đầu tư hoặc hợp đồng dầu, khí đã ký kết trước ngày Luật thuế tài nguyên có hiệu lực thi hành thực hiện theo quy định tại giấy phép đầu tư hoặc hợp đồng dầu, khí đã ký./.

THUẾ NHÀ ĐẤT... (tiếp theo trang 57)

Căn cứ tính thuế nhà dựa trên diện tích, giá tính thuế và thuế suất. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần có kỹ thuật xác định diện tích tính thuế đảm bảo phù hợp với giá trị, công năng sử dụng của nhà và các công trình gắn trên đất. Việc xác định giá tính thuế cần hợp lý, sát với giá thị trường và phù hợp với đặc thù của từng loại nhà cụ thể. Thuế suất với tư cách là “linh hồn” của sắc thuế nên quy định theo tỉ lệ phần trăm (%) và ở mức thuế suất thấp bởi sắc thuế này có đối tượng nộp thuế khá đông đảo. Việc động viên hợp lý thu nhập từ nhiều bộ phận dân cư thông qua thuế nhà sẽ có tác dụng khuyến khích người dân thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về nghĩa vụ thuế cũng như tạo điều kiện cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý có hiệu quả quỹ nhà, động viên nguồn thu cho ngân sách và cũng là tạo điều kiện mở rộng đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng.

Pháp luật về thuế nhà cũng cần quy định những trường hợp sở hữu, sử dụng nhà được miễn hoặc giảm thuế trong những trường hợp nhất định (nhà sử dụng cho lợi ích công cộng, nhà của các đối tượng thuộc diện chính sách, gặp khó khăn trong cuộc sống v.v.) nhằm mục đích khuyến khích. Những quy định này là cần thiết vì bên cạnh mục đích quản lý nhà nước, tạo nguồn thu cho ngân sách, thuế nhà còn góp phần đảm bảo sự công bằng, giảm bớt khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội. Đồng thời, do phạm vi chủ thể nộp thuế nhà sẽ tương đối rộng nên quy định của pháp luật về thuế nhà cần dễ hiểu, dễ thực hiện; cần triển khai từng bước để tránh ảnh hưởng lớn đối với xã hội./.